

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DSST
Ngày 27/3/2019
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Hải**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-DS ngày 17/12/2018 về vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 12/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Đặng Anh T**, sinh năm 1962

Địa chỉ: số 16, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 40, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2019) (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2018 anh **Đặng Anh T** và quá trình giải quyết vụ án ông **Lê Quang Đ** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 07/5/2012 chị Nguyễn Thị Kim H có đến nhà anh T hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) khi vay tiền chị H có viết biên nhận nợ cho anh T và hẹn sau 30 ngày sẽ trả tiền cho anh T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh T đã nộp cho Tòa án biên nhận do chị H viết và ký tên ngày 07/5/2012 với nội dung chị H có mượn của anh T số tiền là 40.000.000 đồng. Đến hạn chị H không trả tiền

cho anh T, anh T có đòi nhiều lần thì chị H chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2018 anh T yêu cầu chị H trả số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trả đủ một lần và yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng, nhưng nay anh T yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H phải trả cho anh T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trả đủ một lần, không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu chị H có trách nhiệm trả tiền cho anh T.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:***

Chị H thống nhất với lời trình bày của anh T về ngày 07/5/2012 chị H có đến nhà anh T hỏi vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hẹn sau 30 ngày trả tiền cho anh T và chị H có viết biên nhận cho anh T là đúng.

Chị H cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận ở ngoài với nhau lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, sau khi vay tiền chị H có trả tiền cho anh Tuấn được số tiền gốc là 12.000.000 đồng và đóng lãi đầy đủ cho anh T đến tháng 8 năm 2016, khi đóng lãi và trả số tiền gốc cho anh T thì không có làm giấy tờ gì, chỉ có vợ của anh T trong nhà biết, mục đích chị H vay tiền của anh T là cho người khác vay lại lấy lãi.

Nay anh T yêu cầu chị H trả số tiền 40.000.000 đồng chị H cũng đồng ý nhưng chị H xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị phải đi làm thuê không có khả năng trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Đặng Anh T và chị Nguyễn Thị Kim H là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của anh T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị H trả đủ một lần số tiền là 40.000.000 đồng cho anh T, không yêu cầu tính lãi. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của anh T yêu cầu chị H trả số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị H thống nhất vào ngày 07/5/2012 anh T có cho

chị H vay tiền, chị H có viết và ký tên vào biên nhận với nội dung chị H có mượn của anh T số tiền là 40.000.000 đồng và tại phiên tòa chị H đồng ý trả cho anh Tuấn số tiền 40.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét lời khai của chị H cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế chị đang gặp khó khăn, chị H xin trả dần cho anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị H xin trả dần số tiền trên không được đại diện hợp pháp của anh T chấp nhận, nên yêu cầu của chị H không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Yêu cầu của anh T được chấp nhận nên anh T không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho anh Đặng Anh T số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005269 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị H phải nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Anh T.
2. Buộc chị Nguyễn Thị Kim H trả cho anh Đặng Anh T số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- Hoàn trả cho anh Đặng Anh T số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đã nộp theo lai thu số số 0005269 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái